

Bản án số: 135/2024/HS-PT
Ngày: 15-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;
Ông Đặng Văn Chum.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 135/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Lê Vĩnh. Do có kháng cáo của bị cáo Lê V, bị hại ông Đoàn Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 và kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2024/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo và bị kháng nghị:

Lê V, sinh năm 1987, tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: tổ B, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê T1 (đã chết) và bà Lê Thị N; có vợ (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 27/4/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê V: Bà Lê Thị Mỹ H - Luật sư Văn phòng Luật sư Võ Tấn Đ - Chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị hại có kháng cáo: Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1986; nơi thường trú: tổ A, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 (viết tắt V3); địa chỉ trụ sở: số A, đường H, Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, sinh năm 1968; nơi thường trú: số A, đường số A, khu A, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Biệt thự 39, số A Đ, phường Q, quận T, Thành phố Hà Nội; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Đ1 và ông Bùi Trọng H1 - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng; Địa chỉ: số I, đường C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1958; nơi thường trú: ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/01/2022, Lê Vĩnh C mua một chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển số 61K-022.35, nhưng khi mua xe Vĩnh C chưa đủ tiền nên V đã làm hợp đồng thế chấp xe ô tô biển số 61K-022.35 tại Ngân hàng TMCP V2 (sau đây gọi tắt là V3) - Chi nhánh Thành phố H để vay số tiền 428.000.000 đồng, bắt đầu trả góp từ ngày 15/02/2022, giấy đăng ký xe gốc do Ngân hàng giữ. Vào khoảng tháng 02/2022, V có lên mạng xã hội Facebook thấy trang thông tin quảng cáo về dịch vụ làm giả các loại giấy tờ như giấy phép lái xe, giấy đăng ký xe ... (không rõ thông tin chủ tài khoản của trang Facebook) nên vào xem và liên hệ để thuê người này làm giả giấy đăng ký xe ô tô biển số 61K-022.35, với giá 750.000 đồng và tiền phí giao hàng là 30.000 đồng, mục đích sử dụng giấy đăng ký xe giả để cầm cố, thế chấp lấy tiền tiêu xài. Sau đó, V nhận được giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả tại nhà của V và đưa cho người giao hàng (không rõ nhân thân, lai lịch) số tiền 780.000 đồng. Sau khi có giấy chứng nhận đăng ký xe giả, Vĩnh C nhờ ông Lương Minh C giới thiệu cho V vay tiền của ông Đoàn Văn T. V đã nhiều lần vay tiền của ông T cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: ngày 07/10/2022, V vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng, lúc này, V đưa giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cho ông T để lập một hợp đồng cầm cố tài sản với tài sản cầm cố là xe ô tô biển số 61K-022.35. Ông T tin tưởng giấy đăng ký xe thật nên nhận cầm cố xe ô tô trên. Do ông T và V là bạn bè với nhau nên ông T vẫn tạo điều kiện cho V thuê lại xe để V có phương tiện làm ăn. Ông T và V thỏa thuận miệng với nhau về tiền lãi và tiền thuê xe trong tháng 10/2022 là 6.000.000 đồng/tháng/100.000.000 đồng, ông T đưa cho V số tiền 94.000.000 đồng.

Lần thứ hai: ngày 07/11/2022, V tiếp tục vay thêm của ông T số tiền 100.000.000 đồng. Ông T và V làm thêm một hợp đồng cầm cố tài sản vào ngày 07/11/2022, thời hạn vay 01 tháng và tài sản cầm cố vẫn là xe ô tô biển số 61K-022.35. Hợp đồng cầm cố lần hai ghi tổng số tiền vay là 200.000.000 đồng (do

cộng dồn số tiền 100.000.000 đồng của lần vay thứ nhất mà V chưa trả). Lúc này, ông T vẫn cho V thuê lại xe ô tô biển số 61K-022.35 để làm phương tiện đi lại. Ông T và V thỏa thuận tiền lãi suất là 15.000.000 đồng/200.000.000 đồng/tháng nên T đưa cho V số tiền 85.000.000 đồng.

Lần thứ ba: ngày 09/11/2022, V tiếp tục vay thêm của ông T số tiền 150.000.000 đồng (không làm hợp đồng).

Lần thứ tư: ngày 12/11/2022, V tiếp tục vay thêm của ông T số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng. V và ông T làm thêm một hợp đồng cầm cố tài sản, nhưng vẫn lấy ngày hợp đồng là ngày 07/11/2022, tổng số tiền vay là 450.000.000 đồng (cộng dồn số tiền vay của 03 lần vay trước), tài sản cầm cố vẫn là xe ô tô biển số 61K-022.35. Lúc này, ông T và V thỏa thuận tiền lãi trong tháng 11/2022 là 25.000.000 đồng/450.000.000 đồng nên ông T đưa cho V 90.000.000 đồng (sau khi trừ thêm số tiền lãi 10.000.000 đồng). Thời điểm này, T không cho V sử dụng xe đi nữa mà giữ xe và giấy đăng ký xe lại. Hết thời hạn hợp đồng cầm cố tài sản, ông T nhiều lần yêu cầu V trả tiền cho T, nhưng V cố tình trốn tránh.

Đến tháng 3/2023, ông T nhờ người kiểm tra thì phát hiện Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 61K-022.35 do V đưa để cầm cố là giấy tờ giả, vì xe ô tô biển số 61K-022.35 đã được thế chấp tại V3 - Chi nhánh Thành phố H nên ngày 06/3/2023, ông T đến Công an xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của V. Ngày 17/3/2023, Công an xã A chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P thụ lý theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Bình Dương thu giữ: 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 61K-022.35 số 61028464 mang tên Lê V, sinh năm 1987, địa chỉ: tổ B, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương do Phòng C3 Công an tỉnh B cấp ngày 14/01/2022; 01 (một) xe ô tô biển số 61K-022.35 nhãn hiệu Hyundai Accent 1.4AT, màu trắng, số khung RLUA841BBMN070007, số máy G4LCMG034058.

Tại Cáo trạng số 103/CT-VKSPG ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Vĩnh v tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 và điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2024/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê V phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Vĩnh 0 (chín) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 09 (chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Lê Vĩnh p chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/4/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Buộc bị cáo Lê Vĩnh c trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông Đoàn Văn T số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

3.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về biện pháp tư pháp:

4.1. Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, biển số 61K-022.35 số 61028464 mang tên Lê V, sinh năm: 1987, địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương do Phòng C3 Công an tỉnh B cấp ngày 14/01/2022.

4.2. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe ô tô biển số 61K-002.35, nhãn hiệu Huynhdai Acent 1.4AT, màu trắng, số khung RLUA841BBMN070007, số máy G4LCMG034058 (xe ô tô được niêm phong, thể hiện tại biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 08/5/2023 có chữ ký của ông Hoàng Đình V1, ông Hoàng Trọng A, ông Bùi Quang C1 và ông Đoàn Văn T; tình trạng xe: Xe bị bể đèn hậu bên phải, cản trước bị trầy xước bề, không kiểm tra bên trong máy).

4.3. Buộc Ngân hàng TMCP V2 (V3) - Chi nhánh Thành phố H: 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 61K-022.35 số 61028464 mang tên Lê V, sinh năm: 1987, địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương do Phòng C3 Công an tỉnh B cấp ngày 14/01/2022 để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê V có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, bị hại ông Đoàn Văn T có đơn kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Ngân hàng V3 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: không tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) xe ô tô biển số 61K-022.35, nhãn hiệu Huyn dai Accent 1.4AT, màu trắng, số khung RLUA841BBMN070007, số máy G4LCMG034058; bàn giao xe ô tô trên cho Ngân hàng V3 để thu hồi nợ.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 11/QĐ-VKSPG, nội dung: kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2024/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P theo hướng tuyên bị cáo Lê V phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định lại nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền bồi thường cho bị hại, đề nghị trả lại xe ô tô biển số 61K-022.35, nhãn hiệu Hyundai Accent 1.4AT, màu trắng, số khung RLUA841BBMN070007, số máy G4LCMG034058 cho bị cáo.

Bị hại xác định lại nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tăng mức hình phạt đối với bị cáo vì bị cáo chưa bồi thường, khắc phục cho bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Ngân hàng V3 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị N trình bày: Số tiền 10.000.000 đồng bà Lê Thị N tự nguyện nộp khắc phục hậu quả thay bị cáo và không yêu cầu bị cáo trả lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P: bị cáo Lê Vĩnh c hành vi cung cấp thông tin để thuê đối tượng làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 61K-022.35 mang tên của bị cáo với mục đích sử dụng tài liệu giả này để cầm cố xe ô tô biển số 61K-022.35 cho bị hại là ông Đoàn Văn T vay tiền của ông T nhiều lần với tổng số tiền 450.000.000 đồng, do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ Công văn 3671/VKSTC ngày 07/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giải đáp, hướng dẫn một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật và Công văn số 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử thì hành vi của bị cáo Lê Vĩnh đ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo Lê V phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, dẫn đến việc xử phạt bị cáo 09 tháng tù là không phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử

chấp nhận 01 phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P về tăng hình phạt đối với bị cáo V.

- Đối với kháng cáo của bị cáo Lê V: Tại phiên tòa bị cáo bổ sung nội dung kháng cáo, đề nghị xem xét lại phần trách nhiệm dân sự và đề nghị trả lại xe ô tô cho bị cáo để giao lại cho Ngân hàng. Xét thấy: Bị cáo Lê V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù đối với trị giá tài sản chiếm đoạt từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, trong vụ án này tổng trị giá tài sản mà bị cáo V chiếm đoạt của bị hại là 450.000.000 đồng; bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tài liệu thể hiện bà Lê Thị N là mẹ ruột bị cáo đã nộp thay bị cáo số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục thiệt hại nhưng số tiền này không tương xứng với hành vi bị cáo đã gây thiệt hại cho bị hại nên không có cơ sở xem xét về việc xin giảm nhẹ hình phạt. Về phần trách nhiệm dân sự: Do tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt nhưng tại phiên tòa hôm nay bị cáo không bổ sung tài liệu khác nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu giảm số tiền bồi thường dân sự; đối với xe ô tô do bị cáo đã có hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng nên đề nghị xem xét trả lại xe cho Ngân hàng để đảm bảo hợp đồng thế chấp.

- Đối với kháng cáo của bị hại Đoàn Văn T: Do bị cáo thực hiện việc bồi thường cho bị hại không đáng kể, điều này thể hiện thái độ không biết ăn năn hối cải của bị cáo. Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo hình phạt 09 năm tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là nhẹ, chưa tương với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên cần có hình phạt nghiêm khắc hơn nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Do đó, có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của bị hại Đoàn Văn T.

- Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng V3: Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định xe ô tô biển số 61K-022.35 của bị cáo Lê Vĩnh l vật chứng của vụ án, phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là không phù hợp, bởi lẽ: công cụ, phương tiện phạm tội là những dụng cụ được sử dụng để hỗ trợ tội phạm thực hiện được hành vi phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo Lê V và Ngân hàng V3 đã ký Hợp đồng cho vay với số tiền vay là 428.000.000 đồng; để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho khoản vay bị cáo đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 61K-022.35. Như vậy, tài sản là xe ô tô 61K-022.35 đang được thế chấp tại Ngân hàng V3 nên thuộc quyền quản lý của Ngân hàng V3, bị cáo không có quyền định đoạt đối với xe ô tô 61K-022.35 nhưng đã sử dụng trái phép tài sản này để thực hiện hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó, không thể xem xét xe ô tô 61K-022.35 là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng V3, cần trả lại xe ô tô biển số 61K-022.35 cho

Ngân hàng V3 để có cơ sở tiến hành thu hồi nợ theo quy định của pháp luật nên kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng V3 có cơ sở xem xét.

Tuy nhiên, do Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã ban hành Cáo trạng số 103/CT-VKSPG ngày 30/8/2023 truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê V phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện P đã xét xử đối với bị cáo Lê Vĩnh v tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 và điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng theo quy định tại Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự về giới hạn của việc xét xử.

Do vụ án có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật mà thời hạn kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương không còn, đồng thời Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương kháng nghị phúc thẩm theo hướng không đúng tội danh đầy đủ theo như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Lê Vĩnh .

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2024/HS-ST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện P, Bình Dương để điều tra, truy tố, xét xử lại theo quy định pháp luật. Do vụ án bị đề nghị hủy để truy tố, xét xử lại nên không xem xét kháng cáo của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày tranh luận: Về tội danh: đồng ý với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo.

Về các tình tiết giảm nhẹ: các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra đã thể hiện bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo không kháng cáo về tội danh, không kêu oan đủ để khẳng định bị cáo ăn năn và hối cải, nhận thức được hành vi sai trái của mình, không chối tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo rất thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đã thừa nhận hết hành vi phạm tội của mình và lời khai này hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Tại Mục 5 Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân tối cao có quy định: “...trong trường hợp tại cơ quan Điều tra hoặc tại phiên tòa sơ thẩm người phạm tội quanh co, chối tội hoặc khai báo không đúng sự thật, nhưng sau khi có kết luận Điều tra hoặc sau khi xét xử sơ thẩm đến phiên tòa phúc thẩm đã khai báo lại một cách đầy đủ và đúng sự thật diễn biến việc phạm tội, thì vẫn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo đối với họ....”. Như vậy trong trường hợp này, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Thứ hai, mặc dù hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nhưng bị cáo vẫn tác động gia đình nộp tiền khắc phục hậu quả

10.000.000 đồng để phần nào khắc phục một phần nhỏ những thiệt hại cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo V. Thứ ba, xét về hoàn cảnh của bị cáo V: hiện nay của gia đình Lê Vĩnh r khó khăn, neo đơn, là lao động chính trong gia đình, một mình nuôi con nhỏ. Từ khi bị bắt tạm giam đến nay, con của V là cháu Lê Minh C2 phải nhờ bà N nuôi dưỡng. Về sức khỏe hiện nay bà N cũng đã già yếu mất sức lao động, không có thu nhập ổn định, cha của Lê V cũng đã chết nhiều năm nên một mình nuôi cháu cũng hết sức khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt của bị cáo: mức hình phạt 09 năm 09 tháng tù đối với hai tội danh nêu trên là quá nặng, quá nghiêm khắc không tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để tạo điều kiện cho các bị cáo được sớm hòa nhập cộng đồng, để tiếp tục được làm việc, góp phần lo cho gia đình lo cho con nhỏ, mẹ già, có cơ hội lập công chuộc tội và sống có ích hơn cho xã hội và điều này cũng thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta nhưng vẫn đảm bảo tính giáo dục, răn đe.

Về trách nhiệm dân sự: tại bút lục số 129 và tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại T đã khai nhận trong tổng số tiền 450.000.000 đồng bị hại đã đưa cho bị cáo vào các ngày 7/10/2022, 7/11/2022, 9/11/2022 và ngày 12/11/2022 thì bị hại đã trừ đi phần lãi là 6.000.000 + 15.000.000 đồng + 10.000.000 đồng = 31.000.000 đồng. Như vậy thực tế số tiền bị hại bị chiếm đoạt là 450.000.000 đồng - 31.000.000 đồng là 419.000.000 đồng, không phải là 450.000.000 đồng, đồng thời việc cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền lãi là 50.000.000 đồng tính từ ngày 07/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là không phù hợp, ảnh hưởng quyền lợi của bị cáo. Bởi lẽ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại được xác định là thiệt hại vật chất từ hành vi phạm tội, không phải là giao dịch vay thông thường nữa nên không phát sinh tiền lãi từ tiền bị chiếm đoạt. Tại phiên tòa sơ thẩm do bị cáo không hiểu được quy định pháp luật nên tự nguyện bồi thường cho bị hại cũng mong bị hại xem xét mong muốn khắc phục hậu quả của bị cáo tuy nhiên bị hại không những không hiểu mong muốn của bị cáo mà còn kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử tăng nặng hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền lãi 31.000.000 đồng mà bị hại đã trừ ra để xác định số tiền bị chiếm đoạt là 419.000.000 đồng và không đồng ý thanh toán tiền lãi 50.000.000 đồng để quyền lợi của bị cáo được bảo đảm.

Về biện pháp tư pháp: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Ngân hàng V3 theo hướng không tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) xe ô tô biển số 61K- 022.35, nhãn hiệu Huynhdai Acent màu trắng và 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, biển số 61K-022.35 số 61028464 mang tên Lê Vĩnh m đề nghị giao cho Ngân hàng tài

sản này để thu hồi nợ vì nếu tịch thu sung công quỹ Nhà nước thì ngoài số tiền phải trả cho bị hại, bị cáo còn phải trả số tiền nợ cho Ngân hàng và điều này sẽ gây khó khăn rất nhiều cho bị cáo sau này khi hết hạn tù và Điều này phù hợp Điều 297 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về hiệu lực đối kháng đối với người thứ ba.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và điểm c và d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đối với cả hai tội danh mà Hội đồng xét xử nhận định tuyên phạt, giảm mức bồi thường thiệt hại và sửa quyết định xử lý vật chứng theo hướng giao tài sản là xe ô tô để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật và tuyên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại.

Bị hại ông Đoàn Văn T không tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Ngân hàng V3 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giao xe ô tô biển số 61K-002.35, nhãn hiệu Huynhdai Acent 1.4AT, màu trắng, số khung RLUA841BBMN070007, số máy G4LCMG034058 cho Ngân hàng.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo mong Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: khoảng tháng 02/2022, bị cáo Lê Vĩnh c hành vi cung cấp thông tin cá nhân của mình cho đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) để thuê đối tượng này làm giả 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 61K-022.35, số 61028464 mang tên Lê V, do Phòng C3 Công an tỉnh B cấp ngày 14/01/2022 nhằm mục đích sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để cầm cố, thế chấp vay tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, vào các ngày 07/10/2022, 07/11/2022, 09/11/2022 và 12/11/2022, bị cáo V đã sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả và xe ô tô biển số 61K -022.35 gian dối cầm cố nhằm chiếm đoạt của bị hại Đoàn Văn T số tiền 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Tại Kết luận giám định số 134/KL-KTHS(TL) ngày 28/3/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Phôi và hình dấu tròn có nội dung *CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG* PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG” trên 01 (một) “Chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 61028464 mang tên "Lê Vĩnh ", sinh năm: 1987, địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã A, huyện P, đề ngày 14/01/2022 (ký hiệu A) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P:

Hành vi của bị cáo Lê Vĩnh cung c1 thông tin cá nhân của mình cho đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) để thuê đối tượng này làm giả 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 61K-022.35, số 61028464 mang tên Lê V, do Phòng C3 Công an tỉnh B cấp ngày 14/01/2022 đã thỏa mãn dấu hiệu đồng phạm của tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, bị cáo V đã đưa giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cho ông Đoàn Văn T để lập một hợp đồng cầm cố tài sản xe ô tô trên. Ông T tin tưởng giấy đăng ký xe thật nên nhận cầm cố xe ô tô trên và cho V vay tiền nhiều lần với số tiền 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Vĩnh t tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Vĩnh : tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định nội dung kháng cáo xin hưởng giảm nhẹ hình phạt, đề nghị xem xét lại số tiền bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại và tuyên trả xe ô tô cho bị cáo để trả lại cho Ngân hàng. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình thụ lý phúc thẩm, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại với số tiền 10.000.000 đồng (điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự); tuy nhiên, bị cáo Lê V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù đối với trị giá tài sản chiếm đoạt từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, tổng trị giá tài sản mà bị cáo V chiếm đoạt của bị hại là 450.000.000 đồng là rất lớn; bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”; do đó, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, không nặng. Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền là 450.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận; đối với số tiền lãi suất 50.000.000 đồng, do bị hại kinh doanh cầm đồ có giấy phép chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh nên việc bị hại yêu cầu bị cáo trả số tiền lãi suất 50.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trách nhiệm dân sự của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo của bị hại ông Đoàn Văn T: bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, xét mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị hại.

[6] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Ngân hàng V3: Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent biển số 61K-022.35 do Lê Vĩnh đứng tên chủ sở hữu đã được thế chấp tại Ngân hàng V3 - Chi nhánh Thành phố H để vay số tiền 428.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số LN2112094861312 ngày 10/01/2022. Việc thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Xe ô tô trên không phải là công cụ, phương tiện mà bị cáo dùng vào việc phạm tội (theo Điều 47 của Bộ luật Hình sự). Do đó, có cơ sở giao lại các tài sản trên cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo đúng quy định của pháp luật. Việc xử lý tài sản thế chấp sẽ được giải quyết khi các bên có tranh chấp. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên được Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Ý kiến của người bào chữa về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị giao xe ô tô cho Ngân hàng để xử lý hợp đồng thế chấp đối với bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và giảm tiền bồi thường trách nhiệm dân sự là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[9] Về biện pháp tư pháp: ngày 29 tháng 7 năm 2024, bà Lê Thị N (mẹ bị cáo) đã nộp số tiền 10.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo Biên lai thu tiền số 0002395 để khắc phục bồi thường cho bị hại. Do đó, cần tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

[10] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương; không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Đoàn Văn T; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê V; chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP V2 - Chi nhánh Thành phố H, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm 44/2024/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương, như sau:

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê V phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.2 Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50, Điều 55 của Bộ luật Hình sự của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Lê Vĩnh 0 (chín) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 09 (chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Lê Vĩnh p chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/4/2023.

1.3 Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 357, 468 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lê Vĩnh c trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông Đoàn Văn T số tiền là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

1.4 Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, biển số 61K-022.35 số 61028464 mang tên Lê V, sinh năm: 1987, địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương do Phòng C3 Công an tỉnh B cấp ngày 14/01/2022.

- Giao cho Ngân hàng TMCP V2 - Chi nhánh Thành phố H 01 (một) xe ô tô biển số 61K-022.35, nhãn hiệu Huynhdai Acent 1.4AT, màu trắng, số khung RLUA841BBMN070007, số máy G4LCMG034058 (xe ô tô được niêm phong, thể hiện tại biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 08/5/2023 có chữ ký của ông Hoàng Đình V1, ông Hoàng Trọng A, ông Bùi Quang C1 và ông Đoàn Văn T; tình trạng xe: Xe bị bể đèn hậu bên phải, cản trước bị trầy xước bề, không kiểm tra bên trong máy) quản lý để xử lý tài sản thế chấp, đảm bảo khoản vay giữa Lê V và Ngân hàng TMCP V2 (V3) - Chi nhánh Thành phố H.

- Ngân hàng TMCP V2 - Chi nhánh Thành phố H được tiếp tục quản lý: 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, biển số 61K-022.35 số 61028464 mang tên Lê V, sinh năm: 1987, địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương do Phòng C3 Công an tỉnh B cấp ngày 14/01/2022 để xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng do bà Lê Thị N (mẹ bị cáo) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo Biên lai thu tiền số 0002395 ngày 29 tháng 7 năm 2024 để đảm bảo thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê V, bị hại ông Đoàn Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Ngân hàng TMCP V2 (V3) - Chi nhánh Thành phố H không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện P (3);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện P;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P;
- Bị cáo,
- Người tham gia tố tụng (4);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, HTHT, 25.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Chum

Trương Văn Lộc

Nguyễn Huỳnh Đức

